

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-PT  
Ngày: 12-01-2023  
V/v *Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Sang.

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Cường;  
Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2022/TLPT-DS, ngày 10-11-2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 446/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Ấp TA, xã TrM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm Văn T, Công ty Luật TNHH MTV BML, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Diệp Thị M, sinh năm: 1980; cư trú tại: Ấp LP, xã LK, huyện BC, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Mót:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1985; cư trú tại: Đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 18-11-2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Kim P, sinh năm 1979; anh Hoàng Mạnh C, sinh năm 1972; cùng cư trú tại: Đường LTV, khu đô thị PL 4, phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; chị P và anh C có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Diệp Thị M là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị H yêu cầu chị M trả tiền hội còn phải góp với số tiền là 1.340.000.000 (một tỷ ba trăm bốn chục triệu) đồng. Chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai chục triệu) đồng. Cụ thể:

Ngày 10-02-2020 âm lịch, chị M tham gia góp 08 phần hội của 08 dây hội, mỗi dây hội 10.000.000 đồng, một tháng mở 01 lần, mỗi dây gồm 30 phần, mãn hội ngày 10-6-2022 âm lịch, chị M lĩnh hội đầu tiên với giá mỗi phần hội là 1.800.000 đồng. Sau khi lĩnh hội chị M góp hội hàng tháng cho chị, tuy nhiên sau đó chị M không góp nữa. Đối với 03 phần hội chị M còn phải góp đến mãn hội là 13 lần với số tiền số tiền 390.000.000 đồng, đối với 05 phần hội còn lại thì chị M còn phải góp đến mãn hội là 19 lần với số tiền 950.000.000 đồng.

Việc chị M cho rằng “*chỉ tham gia 03 phần hội còn 05 phần hội còn lại chị G tham gia dùm chị P chị chỉ là người ký tên dùm chị P nên chị P là người có trách nhiệm trả*”, chị không đồng ý. Vì khi lĩnh hội chị giao tiền đầy đủ cho chị M, có làm giấy tay ngày 20-02-2020 âm lịch do chính chị M ghi “*Diệp Thị M nhận đủ*” vào mục người hốt. Ngoài giấy trên, chị M yêu cầu chị ghi thêm 02 (hai) giấy:

+ Một giấy ghi nội dung: “*Đăng hội chị G. Hội 10 triệu, khai 20/2/2020 AL Hốt đầu kêu 1800. Hội gồm 30 phần, Hốt 3 phần*”, sau khi trừ tiền cò, số tiền hốt hội là 69.840.000 đồng. Chị M tự ghi thêm vào: “*20/2/2020 Mót có nhận 3 cây hội. Hội cũ 6 lần x 30 triệu = 18000 còn lại 5.18400. 20/2/2020 Mót nhận đủ*” (BL 79).

+ Một giấy ghi nội dung: “*Đăng hội chị G. Hội 10 triệu, kêu 1800. Hốt đầu. Đăng 20/2/2020 AL gồm 30 phần, Hốt 5 phần*”, sau khi trừ tiền cò, số tiền hốt hội là 1.164.000.000 đồng. Chị M tự ghi thêm vào: “*20/2/2020 Mót có nhận dùm chị P Lạng Sơn 5 cây hội để trả tiền ớt cho giao. Diệp Thị M nhận đủ*” (BL 80).

Cả 08 dây hội hàng tháng đều do chị M góp hội cho chị, có khi góp trực tiếp có khi chuyển khoản, còn những lần chị P chuyển khoản cho chị là vì chị M nhờ chị nhận dùm, hơn nữa chị không quen biết chị P cũng không biết chị P là ai thì làm sao chị đồng ý cho chị P tham gia. Do đó chị vẫn giữ nguyên yêu

cầu, buộc chị M có trách nhiệm trả cho chị toàn bộ 08 phần hụi, chị không đồng ý để vợ chồng chị P trả cho chị.

Tại phiên tòa, chị xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Diệp Thị M trình bày:* Chị thừa nhận có tham gia góp 03 phần hụi của 03 dây hụi của chị H, mỗi dây 10.000.000 đồng, 01 tháng mở 01 lần, mở hụi ngày 20/02/2020 âm lịch, mãn hụi ngày nào chị không rõ, hụi gồm 30 phần, chị lĩnh hụi đầu tiên với giá 1.800.000 đồng. Tính đến thời điểm mãn hụi thì chị còn phải góp cho chị H 13 lần với số tiền 390.000.000 đồng.

Còn 05 phần hụi còn lại thì chị G tham gia góp dùm cho chị P, do chị P (là người mua bán ớt chung với chị G) có nợ chị G 1,2 tỷ đồng nên chị P có nhờ chị G tham gia góp 05 phần hụi mỗi phần 10.000.000 đồng và lĩnh hụi để trả tiền cho chị G, hàng tháng chị P sẽ gửi tiền vào hoặc chuyển khoản để góp hụi cho chị H, chị H đồng ý. Khi nhận tiền lĩnh hụi từ chị H thì chị P nhờ chị ký tên nhận dùm nhưng thực tế chị không nhận tiền mà chị G nhận. Vì tiền lĩnh hụi chị P trả cho chị G.

Hàng tháng chị P góp hụi cho chị H nhưng do ảnh hưởng dịch bệnh không mua bán được nên chị P không góp hụi cho chị H. Sau đó vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2020 chị M có cùng chị G và chị H đến nhà chị P (ở Lạng Sơn) để gặp chị P đối chất và chị P có làm giấy xác nhận nợ cho chị H đối với 05 phần hụi trên; giấy nợ chị P đưa do chị H giữ và khi Tòa án làm việc chị P và chồng chị P là anh C cũng đã thừa nhận và đồng ý trả cho H 05 dây hụi đã hết trả nợ cho chị G. Do đó vợ chồng chị P là người có nghĩa vụ góp 05 phần hụi cho chị H còn chị không liên quan và không có trách nhiệm gì vì chị chỉ là người ký tên nhận dùm mà thôi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim P trình bày:* Chị không quen biết chị H, không tham gia góp hụi của chị H. Thực tế chị có mối quan hệ mua bán với chị G, chị có nợ tiền của chị G nhưng không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu, chỉ ước khoảng hơn 1,2 tỷ đồng; vì không có khả năng trả nên chị G gọi điện thoại cho chị nói rằng để chị G tham gia góp hụi của chị H “hết 05 dây hụi đóng 29 lần” nhưng không nói là tham gia bao nhiêu dây hụi và mỗi dây là bao nhiêu mà chị G kêu chị hàng tháng phải chuyển cho chị H 50.000.000 đồng, chuyển tổng cộng 29 lần là xong, chị đồng ý. Thực tế chị G là người tham gia góp hụi, hết hụi nhận tiền lĩnh hụi từ chị H, chị M chỉ là người ký tên dùm chị mà thôi, còn tiền thì chị G trực tiếp nhận từ chị H để trừ khoản nợ mà chị nợ chị G.

Hàng tháng chị chuyển khoản góp hụi cho chị H. Cụ thể: Năm 2020 chị góp hụi 07 lần (chị góp 05 lần và nhờ chị M góp dùm 02 lần), trong đó 06 lần mỗi lần góp 50.000.000 đồng còn một lần chuyển khoản mà không đủ số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể chị chuyển khoản bao nhiêu không nhớ và người em quen biết làm ăn với chị chuyển thêm 15.000.000 đồng; năm 2021 chuyển khoản 02 lần, một lần 50.000.000 đồng còn một lần 100.000.000 đồng thông

qua số tài khoản của cháu chị H tên Lê Bình A. Sau đó vì dịch bệnh cửa khẩu đóng, không mua bán gì được nên chị không có khả năng góp hụi tiếp cho chị H. Khoảng trong tháng 9-2020 thì chị G, chị H và chị M có đến nhà chị và chị có làm giấy xác nhận cho chị H với nội dung “chị H có đăng 05 cây hụi, Phượng phải trả cho chị H 29 lần mỗi lần 50.000.000 đồng” và có ghi địa chỉ nhà, họ tên, số chứng minh nhân dân của chị vào giấy, chị ký tên và đưa cho chị H giữ.

Trong vụ việc này, chị M không nhận tiền thì không thể buộc chị M trả, chị M không nhận tiền cũng không đưa tiền cho chị mà thực tế tiền lĩnh hụi chị đã trả nợ cho chị G nên chị có trách nhiệm đối với chị H. Do đó chị đồng ý trả cho chị H số hụi còn nợ là 19 lần của 05 phần hụi (mỗi lần 50.000.000 đồng) tổng cộng số tiền 950.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh C trình bày: Anh là chồng chị P. Thống nhất lời trình bày của chị P.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Diệp Thị M về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Buộc chị Diệp Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H số tiền hụi còn phải góp là 1.340.000.000 (một tỷ ba trăm bốn chục triệu) đồng.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Diệp Thị M về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” với số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai chục triệu) đồng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-9-2022, bị đơn chị Diệp Thị M kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chị M chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền nợ hụi của 03 dây hụi là 390.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền của 05 dây hụi là 950.000.000 đồng, vì 05 dây hụi này của chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Nguyễn Đức C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn và trình bày bổ sung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H thừa nhận chị là người cung cấp số tài khoản của chị và của cháu chị (tên Lê Bình A) cho chị P và có nhận tiền chuyển khoản từ chị P. Đồng thời chị H cũng xác nhận đối với 05 dây hụi thì chị M còn nợ 19 lần chưa đóng là 950.000.000 đồng. Số tiền này cũng phù hợp với số tiền chị P thừa nhận đã chuyển khoản góp hụi cho chị H 10 lần, còn nợ chị H 19 lần là 950.000.000 đồng. Còn riêng chị M tham gia 03 dây hụi và đóng hụi mỗi tháng

cho chị H là 30.000.000 đồng, chị M đóng hụi đầy đủ cho đến khi chị H khởi kiện mới ngưng nên còn nợ chị H 13 lần là 390.000.000 đồng. Do đó, chị M đồng ý trả cho chị H số tiền 390.000.000 đồng. Còn số tiền của 05 dây hụi 950.000.000 đồng tại phiên tòa hôm nay vợ chồng chị P, anh C cũng xác nhận còn nợ chị H và họ cũng đồng ý thanh toán cho chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng chị Lê Kim P, anh Hoàng Mạnh C trình bày: Chị P, anh C thừa nhận có thỏa thuận góp hụi hàng tháng cho chị H, anh chị đã chuyển khoản góp cho chị H tổng cộng được 10 lần, còn nợ chị H 19 lần chưa góp, thành tiền là 950.000.000 đồng. Anh chị đồng ý trả cho chị H số tiền này. Anh chị xác nhận chị M không liên quan, cũng không sử dụng số tiền hốt hụi của 05 phần hụi của chị H, mà số tiền này anh chị dùng trả nợ cho chị G xong.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Phạm Văn T trình bày luận cứ bảo vệ:*

Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Vì suốt trong quá trình giải quyết vụ án chị M thừa nhận có ký tên trong giấy đăng hụi 08 phần của chị H. Việc chị P chuyển tiền cho chị H không chứng minh được chị P có nợ tiền chị H vì giữa các bên không có việc chuyển giao trách nhiệm thanh toán nợ hụi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Diệp Thị M; sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại

diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Diệp Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu chị Diệp Thị M trả tiền hội còn phải góp cho chị với số tiền là 1.340.000.000 (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu) đồng, là tiền của 08 dây hội, do chị M lĩnh hội đầu tiên sau đó có góp hội hàng tháng cho chị; tuy nhiên sau đó chị M không góp nữa. Đối với 03 phần hội chị M còn phải góp đến mãn hội là 13 lần với số tiền là 390.000.000 đồng, đối với 05 phần hội còn lại thì chị M còn phải góp đến mãn hội là 19 lần với số tiền 950.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.340.000.000 đồng.

[2.2] Bị đơn chị Diệp Thị M chỉ thừa nhận còn nợ chị H 03 dây hội, còn nợ 13 lần chưa đóng là 390.000.000 đồng. Còn 05 dây hội còn lại là hội của chị Lê Kim P, chị P hốt hội để trả nợ cho chị G (chị G là bạn làm ăn chung với chị P). Hàng tháng chị M chỉ đóng cho chị H số tiền hội chết của 03 dây hội là 30.000.000 đồng; còn chị P thì chuyển khoản đóng hội mỗi tháng 50.000.000 đồng cho chị H, vì chị H có cho số tài khoản cho chị P.

[2.3] Chị H khởi kiện cung cấp chứng cứ là giấy đăng hội ngày 20/2/2020 âm lịch; đăng cho chị M 08 phần hội, với số tiền 1.862.400.000 đồng, chị M có ghi “*Diệp Thị M nhận đủ*” (bút lục 35).

[2.4] Chị M cung cấp chứng cứ là 02 giấy đăng hội đều cùng ngày 20/2/2020 và ghi “*Đăng hội chị G*” do chị H ghi. Trong đó có 01 giấy ghi hốt 05 phần với số tiền 1.164.000.000 đồng; chị M có ghi “*một có nhận dùm chị P Lan Sơn 5 cây hội để trả tiền ót cho Giào- Diệp Thị M nhận đủ*” và 01 giấy đăng hội ghi hốt 03 phần, với số tiền 698.400.000 đồng; chị M có ghi “*một có nhận 3 cây hội- một nhận đủ*” (BL 79-80). Ngoài ra, chị M có cung cấp phiếu chuyển tiền, nội dung chị M chuyển cho chị H số tiền 30.000.000 đồng và 01 USB chứa 05 đoạn ghi âm, ghi cuộc hội thoại giữa chị M và chị H.

[2.5] Chị P cung cấp các sao kê từ Ngân hàng trong đó có các lần chuyển khoản cho chị H và các bản sao chụp từ điện thoại của chị P có nhắn tin với chị H có nội dung “*Lê Thị H 66110002399623 NH BIDV Tây Ninh. Hội đóng 29 lần, bắt đầu từ rằm tháng 3 ngày 20*” và tin nhắn của chị P với cháu của chị H (tên Lê Bình A) có nội dung chị P chuyển khoản 02 lần cho Lê Bình A (ngày 01-4-2021 số tiền 100.000.000 đồng; được Lê Bình A xác nhận “*Dạ con nhận được 100.000.000 một trăm triệu rồi nha cô*” và ngày 04-5-2021 số tiền 50.000.000 đồng; cũng được Bình An xác nhận “*Dạ con có nhận tiền của cô chuyển cho cô H 50 triệu*”).

[3] Qua xem xét các chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị M có ký nhận 01 giấy đăng hội 08 phần; 01 giấy đăng hội 05 phần và 01 giấy đăng hội 03 phần đều do chị H viết cùng ghi ngày 20-02-2020. Tại tòa, chị H xác nhận thực tế có 08 phần hội chị H đã đăng.

[3.2] Tại biên bản đối chất ngày 02-8-2022 (bút lục 98,99) có mặt chị H, chị M, chị P. Chị H thừa nhận có nhận chuyển khoản từ chị P khoản 5-6 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng và cháu chị H tên Lê Bình A có nhận chuyển khoản từ chị P 1-2 lần; chị H cho rằng nhận chuyển khoản dùm cho chị M nhưng chị M không thừa nhận. Còn chị P xác nhận việc chuyển khoản trên là chị P góp quỹ hàng tháng cho chị H

[3.3] Tại Biên bản đối chất ngày 12-8-2022 (bút lục 87) chị H thừa nhận giọng nói trong các đoạn ghi âm do chị M cung cấp là của chị H và chị M, thể hiện nội dung: "*giấy xác nhận của chị P viết chị còn giữ không, đến khi ra Tòa chị nhớ cầm theo nghen*" và "*tại sao lúc giao tiền chị không kêu Giàu ký tên*", chị H thừa nhận có nói nhưng lại cho rằng chị nói theo yêu cầu của chị M. Tuy nhiên chị H không giải thích được lý do.

[3.4] Tại tòa, chị H cũng không giải thích được vì sao cùng một dây hụi, chị H cho rằng chị M hốt 08 phần, mà 05 dây còn nợ 19 lần, số tiền 950.000.000 đồng và 03 dây còn nợ lại 13 lần, với số tiền 390.000.000 đồng.

[3.5] Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy lời trình bày của các đương sự phù hợp với thực tế khách quan của sự việc: Chị P có hốt 05 phần hụi của chị H và hàng tháng góp cho chị H 50.000.000 đồng để đóng hụi chết. Chị P thừa nhận còn nợ chị H 19 lần chưa góp, với số tiền 950.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện số tiền nợ 05 dây hụi của chị H.

Riêng chị M hàng tháng đóng cho chị H 30.000.000 đồng và trên thực tế chị M đã đóng hụi cho chị H đến khi chị H khởi kiện là 16 lần, còn nợ chị H 13 lần với số tiền 390.000.000 đồng, phù hợp với số tiền chị H khởi kiện 03 dây hụi còn nợ lại 390.000.000 đồng.

[3.6] Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, chị P, anh C cũng xác nhận: Anh chị còn nợ chị H số tiền hụi 950.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho chị H số tiền này. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết ở vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Do đó, có căn cứ xác định lời trình bày của chị M và lời trình bày của chị P, anh C là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị H tổng số tiền 1.340.000.000 đồng là chưa xem xét, đánh giá đúng chứng cứ và bản chất của vụ án làm thiệt thòi quyền lợi của chị M.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Diệp Thị M; sửa bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm giải quyết lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: “*Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Diệp Thị M.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 370, 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Diệp Thị M về tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

Buộc chị Diệp Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H số tiền hội còn phải góp là 390.000.000 (ba trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị Lê H không yêu cầu tính lãi suất.

**2.** Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Diệp Thị M về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” với số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai chục triệu) đồng.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Diệp Thị M phải chịu 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị H phải chịu 40.500.000 (bốn mươi triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 32.400.000 đồng theo Biên lai thu số: 0014731 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, chị H còn phải nộp thêm 8.100.000 (tám triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Án phí dân sự phúc thẩm:



Chị Diệp Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị M 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0022778, ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

***Nơi nhận:***

- VKSND.TTN;
- TAND. huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Sang**